TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2020/QĐST - DS	*Đơn Dương, ngày 19 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11/5/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 315/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam;** Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông **Dương Quyết T,** chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm Đình H,** chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đơn Dương

Bị đơn: Ông **Cill Pam Ha S,** sinh năm: 1964; Địa chỉ: 333 thôn Suối Thông A2, xã Đạ Ròn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà **Ka T**, sinh năm: 1968; địa chỉ: 333 thôn Suối Thông A2, xã Đạ Ròn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Cill Pam Ha S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền số tiền 74.352.900đ (bảy mươi tư triệu ba trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành cho đến khi trả hết nợ, nếu ông Cill Pam Ha S chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì ông Cill Pam Ha S còn phải

tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ. Trường hợp trong hợp đồng vay vốn các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- Về án phí: Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 Quyết định phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020 của Thủ tướng chính phủ và Quyết định 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc thì ông Cill Pam Ha S là người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn. Ông có đề nghị được miễn án phí Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Cill Pam Ha S. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội thì ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không có yêu cầu bà Ka T cùng có trách nhiệm liên đới với ông Cill Pam Ha S trả cho ngân hàng số tiền 74.352.900đ nên không đề cập đến.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đình Anh Vũ